

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/06/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Nghĩa

2. Bà Trần Thị Kim Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: không tham gia

Ngày 04 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trương Khương D**, sinh năm 1965, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã, huyện Th, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1970, Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Khương D trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Thanh N tự nguyện chung sống với nhau năm 1991 và không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau

năm 2003 đến nay. Quá trình chung sống có 02 người con chung là Trương Đ, sinh năm 1991(đã chết), Trương Tú A, sinh ngày 10/04/1994. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày: chị thống nhất với lời trình bày của anh D về điều kiện kết hôn, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản chung và nợ chung. Chị và anh D không còn chung sống với nhau đã lâu nên không còn tình cảm, anh D yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung, chị thống nhất vợ chồng có 02 con chung như lời khai anh D. Hiện nay cháu Đ bị bệnh và đã chết năm 2016, còn cháu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Khương D, chị Nguyễn Thị Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trương Khương D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Trương Khương D và Nguyễn Thị Thanh N chung sống với nhau năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, không công nhận anh Trương Khương D và chị Nguyễn Thị Thanh N là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 và Điều 53 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: anh chị khai không có nợ chung nên không giải quyết.

[6] Về án phí: anh D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 14 ; Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trương Khương D và chị Nguyễn Thị Thanh N là vợ chồng.

2. Về con chung: Không giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trương Khương D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí anh Trương Khương D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0009122 ngày 04/03/2020 được tính trừ vào án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang

